

PHÒNG GD&ĐT  
TRƯỜNG THCS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 01/2022 /BC-TCM

, ngày 11 tháng 01 năm 2022.

**BÁO CÁO SƠ KẾT HỌC KỲ I  
NĂM HỌC 2021 – 2022  
TỔ CHUYÊN MÔN: TOÁN – TIN – CÔNG NGHỆ**

Qua thời gian thực hiện phương hướng nhiệm vụ của các cấp quản lí giáo dục. Trong học kì I năm học 2021 – 2022 tổ chúng tôi đã tổ chức được các hoạt động và đạt được một số kết quả như sau:

**A/ ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:**

**1/ Đội ngũ:**

Tổng số giáo viên: 06. Nữ: 04. Trong đó hợp đồng: 0. Nữ: 0

Nhân viên hợp đồng: 01 (Cô Đỗ Thị Thúy Phương - nhân viên thiết bị được bổ sung vào tổ trong tháng 11 năm 2020).

+ Phân công theo trình độ chuyên môn: ĐHSPT: 06. Cao Đẳng Sư Phạm: 0. Trung học sư phạm 0

+ Phân theo trình độ chính trị: Đảng viên: 04 Đoàn viên : 0

**2/ Học sinh:**

Tổng số lớp chủ nhiệm: 04 (gồm các lớp 7/1, 7/2, 8/3, 9/3)

Tổng số học sinh đầu năm: 162 Nữ: 74

Tổng số học sinh hiện nay: 162 Nữ: 74

Số học sinh tăng, giảm: 0 Nữ: 0

**3/ Những thuận lợi khó khăn:**

**a/ Thuận lợi:**

+ Được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo nhà trường và các tổ chức trong nhà trường  
+ Đội ngũ trẻ, nhiệt tình, có tinh thần thống nhất cao trong chuyên môn  
+ Quan điểm chính trị, tư tưởng vững vàng. Tin tưởng vào đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước.

+ Cơ sở vật chất trường học từng bước ổn định và ngày càng hoàn thiện.

**b/ Khó khăn:**

**B/ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN:**

**I/ Chính trị tư tưởng :**

**1/ Đối với giáo viên:**

- Có tâm huyết với nghề, có phẩm chất chính trị đạo đức trong sáng; luôn học tập và làm theo tư tưởng đạo đức phong cách Hồ Chí Minh.

- 100% GV có lập trường chính trị vững vàng và quan điểm kiên định.

- 100% GV tham gia tốt các lớp học tập nghị quyết của Đảng và nhà nước chấp hành tốt chủ trương, chính sách và đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước.

- 100% thường xuyên trau dồi đạo đức cách mạng, thực hiện gia đình văn hóa mới, có lối sống lành mạnh, giản dị, thân thiện với học sinh và phụ huynh .

**2/ Đối với học sinh :**

- HS lớp chủ nhiệm gương mẫu làm theo 5 điều Bác dạy, là Đội viên tích cực trong học tập và các hoạt động của nhà trường cũng như xã hội.

- Tham gia tốt nội dung sinh hoạt 15' đầu buổi và tiết sinh hoạt chủ nhiệm cuối tuần

- 100% HS nhiệt tình tham gia tốt các hoạt động ngoại khóa do đội và nhà trường tổ chức như những hoạt động kỷ niệm ngày nhà giáo Việt Nam; các hoạt động ngoại khóa khác,...

**II/ Chuyên môn:****1/ Thực hiện chương trình – Quy chế điểm:****a/ Đánh giá nhận xét về thực hiện chương trình và giảm tải:****\* Ưu điểm:**

- Thực hiện nghiêm túc chương trình của ngành. Không cắt xén chương trình, soạn bài, chấm bài cập nhật kịp thời.
- Bàn bạc, thống nhất trong tổ về khung chương trình của ngành phù hợp với tổ, có biên bản ghi cụ thể thống nhất KHDH theo khung chương trình của Bộ, của Sở và được tổ gửi cho từng giáo viên.

**\* Tồn tại:****b/ Đánh giá nhận xét về thực hiện Quy chế điểm****\* Ưu điểm:**

- Thực hiện nghiêm túc quy chế điểm của chuyên môn nhà trường, của ngành kiểm tra theo qui chế, chấm trả bài nghiêm túc, vào điểm kịp thời
- Kiểm tra đánh giá HS chính xác, khách quan.

**\* Tồn tại:****2/ Đánh giá về thực hiện phương pháp dạy học tích cực và thực hiện chuẩn kiến thức:**

- Đổi mới phương pháp dạy học, hình thức dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực HS.

- Giáo viên trong tổ vận dụng kiến thức đã được học bồi dưỡng chuyên môn để phát huy phương pháp dạy học tích cực và thực hiện tốt chương trình GDPT ở lớp 6.

- Trong các tiết thao giảng của tổ đều thể hiện được phương pháp dạy học tích cực dưới nhiều hình thức giúp học sinh tiếp thu và làm bài tốt hơn. Đặc biệt là đối với học sinh lớp 6 năm đầu thay đổi SGK.

**3/ Hồ sơ sổ sách :**

Năm đầu thực hiện HSSS điện tử nên cơ bản các giáo viên đều thực hiện tốt. Tổng số bộ hồ sơ đã kiểm tra: 06 bộ

Trong đó: 06 bộ hồ sơ đạt loại tốt; Tỷ lệ: 100%

**Nhận xét:****\* Ưu điểm:**

-Thực hiện đầy đủ các loại HSSS đối với GVBM và GVCN và các loại hồ sơ làm công tác kiêm nhiệm theo qui định của nhà trường.

- Hồ sơ cập nhật phù hợp với kế hoạch dạy học.

- Giáo án soạn mới theo pp tích cực hóa trong việc dạy và học

- Tổ chuyên môn đã kiểm tra HSSS 1 lần trong HK I (Tháng 10 /2021).

**\* Tồn tại:****4/ Dự giờ - Thao giảng – Chuyên đề - Ngoại khóa.****a/ Dự giờ:**

Tổng số tiết dự giờ của GV trong tổ là: 41 tiết (Trong đó: Tháng 10: 22t; Tháng 11: 6t; Tháng 12: 13t).

**\* Ưu điểm:**

- GV trong tổ tự lên kế hoạch dự giờ đồng nghiệp và tham gia các tiết dự giờ theo kế hoạch của tổ chuyên môn

- Tổ đã lên lịch dự giờ theo đúng kế hoạch và giáo viên dạy chuẩn bị tiết dạy cũng như giáo viên dự tham gia học tập và góp ý cho đồng nghiệp.

**\* Tồn tại:**

- Do điều kiện khách quan có 1 số thầy cô đã không dự giờ theo kế hoạch của tổ mà tự dự giờ phù hợp theo thời khoá biểu của mình.

**b/ Thao giảng, Hội giảng:**

---

Tổng số tiết thao giảng của tổ là: 03 tiết ().

Tổng số tiết thao giảng cụm: 00 tiết

Tổng số tiết hội giảng: 00 tiết

Nhận xét về công tác thao giảng, Hội giảng: Đảm bảo theo kế hoạch của tổ.

\* Ưu điểm:

- Chuẩn bị các tiết dạy chu đáo, có sử dụng các phương pháp mới và áp dụng công nghệ thông tin vào trong giảng dạy.

- Giáo viên dự giờ tích cực tham gia với tinh thần học hỏi và góp ý xây dựng cao.

\* Tồn tại:

### c/ Chuyên đề :

Tổng số chuyên đề đã báo cáo là: 02 chuyên đề (Trong đó có 2 chuyên đề TCM thuộc về môn Tin và môn Toán, 0 chuyên đề Cụm chuyên môn - thuộc môn ...).

Nhận xét về nội dung và áp dụng các chuyên đề :

\* Ưu điểm:

- Chuyên đề phù hợp với thực tế giảng dạy, sát với chương trình, phù hợp với phương pháp dạy học tích cực và thực hiện đảm bảo chương trình giáo dục phổ thông lớp 6.

- Giáo viên tham dự chuyên đề nghiêm túc đầy đủ (100%) với tinh thần học hỏi và góp ý xây dựng cao

**d/ Ngoại khóa:** Không tổ chức.

**\*Ưu điểm:**

### 5/ Công tác giáo viên giỏi:

- Số giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp trường có : (Chưa tổ chức)

- Số giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện có : (Chưa tổ chức)

### 6/ Sử dụng đồ dùng dạy học:

- Có sử dụng đồ dùng dạy trong các tiết lên lớp.

- Đồ dùng dạy học cơ bản đảm bảo.

- Dụng cụ dạy học sắp xếp đảm bảo theo kế hoạch.

### 7/ Công tác dạy giáo án điện tử:

- Đa số giáo viên thực hiện tốt theo yêu cầu.

- Phòng trình chiếu cơ bản đã ổn định nên đa số các giáo viên trong tổ thường xuyên ứng dụng CNTT vào các tiết dạy của mình.

### 8/ Công tác kiểm tra nội bộ:

+ **Kiểm tra toàn diện:** Tổng số giáo viên được kiểm tra: 02 giáo viên ().

Xếp loại giỏi: 02 giáo viên; Tỷ lệ: 100%; Loại khá: 0 giáo viên

+ **Kiểm tra chuyên đề:**

\* Tổng số tiết kiểm tra đánh giá xếp loại: 0 GV

Kết quả: Đạt loại giỏi: Tỷ lệ: Đạt loại khá: Tỷ lệ:

\* Đánh giá nhận xét công tác kiểm tra:

Thực hiện đúng chỉ tiêu, kế hoạch đã đề ra trong hội nghị tổ đầu năm học 2021 – 2022.

Công tác kiểm tra dàn đều trong cả học kỳ.

Giáo viên kiểm tra được trao đổi góp ý trực tiếp.

### 9/ Kết quả chất lượng bài kiểm tra học kỳ I môn Toán (>=TB):

Toán 6: 52,8% ( chưa đạt chỉ tiêu đăng ký đầu năm là 60% - Chỉ tiêu cả năm).

Toán 7: 68,66% ( Vượt chỉ tiêu đăng ký đầu năm là 66% - Chỉ tiêu cả năm).

Toán 8: 72,22% ( Vượt chỉ tiêu đăng ký đầu năm là 66%- Chỉ tiêu cả năm ).

Toán 9: 73,39% ( Vượt chỉ tiêu đăng ký đầu năm là 67% - Chỉ tiêu cả năm).

10/ Kết quả chất lượng bộ môn:

| TOÁN             | Tổng số HS | Kém             |              | Yếu             |               | TB              |               | Khá             |               | Giỏi            |               | TB trở lên      |               |
|------------------|------------|-----------------|--------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|
|                  |            | 0 <= Điểm < 3.5 |              | 3.5 <= Điểm < 5 |               | 5 <= Điểm < 6.5 |               | 6.5 <= Điểm < 8 |               | 8 <= Điểm <= 10 |               | 5 <= Điểm <= 10 |               |
|                  |            | SL              | TL           | SL              | TL            | SL              | TL            | SL              | TL            | SL              | TL            | SL              | TL            |
| <b>TỔNG CỘNG</b> | <b>476</b> | <b>6</b>        | <b>1.26%</b> | <b>64</b>       | <b>13.45%</b> | <b>175</b>      | <b>36.76%</b> | <b>137</b>      | <b>28.78%</b> | <b>94</b>       | <b>19.75%</b> | <b>406</b>      | <b>85.29%</b> |
| Khối 6           | 125        | 1               | 0.80%        | 10              | 8.00%         | 59              | 47.20%        | 36              | 28.80%        | 19              | 15.20%        | 114             | 91.20%        |
| Khối 7           | 134        | 0               | 0.00%        | 29              | 21.64%        | 34              | 25.37%        | 36              | 26.87%        | 35              | 26.12%        | 105             | 78.36%        |
| Khối 8           | 108        | 5               | 4.63%        | 21              | 19.44%        | 36              | 33.33%        | 28              | 25.93%        | 18              | 16.67%        | 82              | 75.93%        |
| Khối 9           | 109        | 0               | 0.00%        | 4               | 3.67%         | 46              | 42.20%        | 37              | 33.94%        | 22              | 20.18%        | 105             | 96.33%        |

| CÔNG NGHỆ        | Tổng số HS | Kém             |              | Yếu             |              | TB              |               | Khá             |               | Giỏi            |               | TB trở lên      |               |
|------------------|------------|-----------------|--------------|-----------------|--------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|
|                  |            | 0 <= Điểm < 3.5 |              | 3.5 <= Điểm < 5 |              | 5 <= Điểm < 6.5 |               | 6.5 <= Điểm < 8 |               | 8 <= Điểm <= 10 |               | 5 <= Điểm <= 10 |               |
|                  |            | SL              | TL           | SL              | TL           | SL              | TL            | SL              | TL            | SL              | TL            | SL              | TL            |
| <b>TỔNG CỘNG</b> | <b>476</b> | <b>0</b>        | <b>0.00%</b> | <b>10</b>       | <b>2.10%</b> | <b>79</b>       | <b>16.60%</b> | <b>201</b>      | <b>42.23%</b> | <b>186</b>      | <b>39.08%</b> | <b>466</b>      | <b>97.90%</b> |
| Khối 6           | 125        | 0               | 0.00%        | 0               | 0.00%        | 19              | 15.20%        | 54              | 43.20%        | 52              | 41.60%        | 125             | 100.00%       |
| Khối 7           | 134        | 0               | 0.00%        | 4               | 2.99%        | 25              | 18.66%        | 55              | 41.04%        | 50              | 37.31%        | 130             | 97.01%        |
| Khối 8           | 108        | 0               | 0.00%        | 6               | 5.56%        | 30              | 27.78%        | 59              | 54.63%        | 13              | 12.04%        | 102             | 94.44%        |
| Khối 9           | 109        | 0               | 0.00%        | 0               | 0.00%        | 5               | 4.59%         | 33              | 30.28%        | 71              | 65.14%        | 109             | 100.00%       |

| TIN HỌC          | Tổng số HS | Kém             |              | Yếu             |              | TB              |              | Khá             |               | Giỏi            |               | TB trở lên      |               |
|------------------|------------|-----------------|--------------|-----------------|--------------|-----------------|--------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|
|                  |            | 0 <= Điểm < 3.5 |              | 3.5 <= Điểm < 5 |              | 5 <= Điểm < 6.5 |              | 6.5 <= Điểm < 8 |               | 8 <= Điểm <= 10 |               | 5 <= Điểm <= 10 |               |
|                  |            | SL              | TL           | SL              | TL           | SL              | TL           | SL              | TL            | SL              | TL            | SL              | TL            |
| <b>TỔNG CỘNG</b> | <b>476</b> | <b>0</b>        | <b>0.00%</b> | <b>4</b>        | <b>0.84%</b> | <b>39</b>       | <b>8.19%</b> | <b>95</b>       | <b>19.96%</b> | <b>338</b>      | <b>71.01%</b> | <b>472</b>      | <b>99.16%</b> |
| Khối 6           | 125        | 0               | 0.00%        | 3               | 2.40%        | 20              | 16.00%       | 38              | 30.40%        | 64              | 51.20%        | 122             | 97.60%        |
| Khối 7           | 134        | 0               | 0.00%        | 1               | 0.75%        | 4               | 2.99%        | 22              | 16.42%        | 107             | 79.85%        | 133             | 99.25%        |
| Khối 8           | 108        | 0               | 0.00%        | 0               | 0.00%        | 14              | 12.96%       | 26              | 24.07%        | 68              | 62.96%        | 108             | 100.00%       |
| Khối 9           | 109        | 0               | 0.00%        | 0               | 0.00%        | 1               | 0.92%        | 9               | 8.26%         | 99              | 90.83%        | 109             | 100.00%       |

| GD&CD            | Tổng số HS | Kém             |              | Yếu             |              | TB              |               | Khá             |               | Giỏi            |               | TB trở lên      |               |
|------------------|------------|-----------------|--------------|-----------------|--------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|
|                  |            | 0 <= Điểm < 3.5 |              | 3.5 <= Điểm < 5 |              | 5 <= Điểm < 6.5 |               | 6.5 <= Điểm < 8 |               | 8 <= Điểm <= 10 |               | 5 <= Điểm <= 10 |               |
|                  |            | SL              | TL           | SL              | TL           | SL              | TL            | SL              | TL            | SL              | TL            | SL              | TL            |
| <b>TỔNG CỘNG</b> | <b>476</b> | <b>0</b>        | <b>0.00%</b> | <b>5</b>        | <b>1.05%</b> | <b>49</b>       | <b>10.29%</b> | <b>118</b>      | <b>24.79%</b> | <b>304</b>      | <b>63.87%</b> | <b>471</b>      | <b>98.95%</b> |
| Khối 6           | 125        | 0               | 0.00%        | 5               | 4.00%        | 27              | 21.60%        | 53              | 42.40%        | 40              | 32.00%        | 120             | 96.00%        |
| Khối 7           | 134        | 0               | 0.00%        | 0               | 0.00%        | 16              | 11.94%        | 34              | 25.37%        | 84              | 62.69%        | 134             | 100.00%       |

|        |     |   |       |   |       |   |       |    |        |    |        |     |         |
|--------|-----|---|-------|---|-------|---|-------|----|--------|----|--------|-----|---------|
| Khối 8 | 108 | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% | 4 | 3.70% | 12 | 11.11% | 92 | 85.19% | 108 | 100.00% |
| Khối 9 | 109 | 0 | 0.00% | 0 | 0.00% | 2 | 1.83% | 19 | 17.43% | 88 | 80.73% | 109 | 100.00% |

**\* Đánh giá nhận xét:**

- + Chất lượng bộ môn tạm thời chưa đạt chỉ tiêu so với đăng ký đầu năm.
- + Chất lượng bài kiểm tra học kỳ 1 môn Toán 6 ( 52,8% >= TB), chưa đạt chỉ tiêu so với đăng ký đầu năm là 60% cho cả năm học.
- + Trong HK1 có 2 giáo viên tham gia thiết kế bài giảng E-learning () và đã nộp theo đúng thời gian quy định.

**11/ Công tác bồi dưỡng, phụ đạo:**

**\* Ưu điểm:**

- Tổ chức vận động và khuyến khích HS có khả năng tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng HS giỏi; HS năng khiếu ở các khối lớp
- Chuyên môn trường đã tổ chức mở lớp dạy và có biện pháp trong việc bồi dưỡng HS giỏi; giáo viên bộ môn Toán có kế hoạch mở các lớp phụ đạo học sinh yếu kém ( Nếu học sinh có nhu cầu).
- GV tham gia tốt công tác bồi dưỡng học sinh giỏi ().

**\* Tồn tại:**

**12/ Đối với HS**

**a/Chất lượng học lực các lớp chủ nhiệm:**

| LỚP   | TS HS | Giáo viên chủ nhiệm | Giỏi |        | Khá |        | T.Bình |        | Yếu |        | Kém |    | TB ↑ |               |
|-------|-------|---------------------|------|--------|-----|--------|--------|--------|-----|--------|-----|----|------|---------------|
|       |       |                     | SL   | TL     | SL  | TL     | SL     | TL     | SL  | TL     | SL  | TL | SL   | TL            |
| 7/ 1  | 44/19 |                     | 7    | 15.91% | 22  | 50.00% | 13     | 29.55% | 2   | 4.55%  | 0   | 0  | 42   | <b>95,45%</b> |
| 7 / 2 | 44/17 |                     | 10   | 22.73% | 17  | 38.64% | 15     | 34.09% | 2   | 4.55%  | 0   | 0  | 42   | <b>95,45%</b> |
| 8 / 3 | 36/19 |                     | 5    | 13.89% | 9   | 25.00% | 17     | 47.22% | 5   | 13.89% | 0   | 0  | 31   | <b>86,11%</b> |
| 9 / 3 | 37/19 |                     | 11   | 29.73% | 19  | 51.35% | 7      | 18.92% | 0   | 0.00%  | 0   | 0  | 37   | <b>100%</b>   |

**b/Chất lượng hạnh kiểm các lớp chủ nhiệm:**

| LỚP   | TS HS | Giáo viên chủ nhiệm | Tốt |        | Khá |        | T.Bình |    | Yếu |    | TB ↑ |             |
|-------|-------|---------------------|-----|--------|-----|--------|--------|----|-----|----|------|-------------|
|       |       |                     | SL  | TL     | SL  | TL     | SL     | TL | SL  | TL | SL   | TL          |
| 7 / 1 | 44/19 |                     | 40  | 90,91% | 4   | 9,09%  | 0      | 0  | 0   | 0  | 44   | <b>100%</b> |
| 7 / 2 | 44/17 |                     | 40  | 90,91% | 4   | 9,09%  | 0      | 0  | 0   | 0  | 44   | <b>100%</b> |
| 8 / 3 | 36/19 |                     | 30  | 83,33% | 6   | 16,67% | 0      | 0  | 0   | 0  | 36   | <b>100%</b> |
| 9 / 3 | 37/19 |                     | 37  | 100%   | 0   | 0      | 0      | 0  | 0   | 0  | 37   | <b>100%</b> |

**c/ Kết quả HSG, HSNK đợt 1:**

|           |               |                        |
|-----------|---------------|------------------------|
| Trong đó: | - Giải nhất:  | giải - Thuộc môn:      |
|           | - Giải nhì:   | giải - Thuộc môn:      |
|           | - Giải ba: 01 | giải - Thuộc môn: Toán |
|           | - Giải KK: 01 | giải - Thuộc môn: Toán |

### **III/ Các hoạt động khác:**

#### **1/ Công tác chủ nhiệm – HĐ GDNGLL:**

a/ Duy trì số lượng:

Tổng số học sinh giảm so với đầu năm: 0. Trong đó:

Bỏ học: 0 học sinh ; Chuyển trường: 0 học sinh . Lý do khác: 0 học sinh

\*Nhận xét:

- GVCN luôn bám sát lớp động viên giúp đỡ các em học tập, kết hợp cùng phụ huynh trao đổi việc nghỉ học không lý do, tích cực vận động học sinh có nguy cơ bỏ học ra lớp

- Ngoài ra, đối với học sinh cá biệt giáo viên chủ nhiệm động viên tinh thần và khuyến khích cho các em vui chơi hoà nhập cùng các bạn nên đã duy trì được lượng học sinh đến cuối học kì đạt kết quả cao.

b/ Nề nếp:

\* Ưu điểm:

- Lớp chủ nhiệm ngay từ tuần học đầu tiên đã sớm ổn định nề nếp, tác phong nghiêm túc trong các tiết sinh hoạt chủ nhiệm, sinh hoạt 15 phút đầu giờ,

- Không có học sinh vi phạm nội qui, kỷ luật của trường bị khiển trách.

- Các lớp chủ nhiệm đạt vị thứ thi đua như sau: Lớp 7/1: vị thứ . Lớp 7/2: vị thứ , Lớp 8/3: vị thứ , Lớp 9/3: vị thứ

\* Tồn tại:

- Vẫn còn một số HS chưa ý thức học tập.

• Tổ chức và tham gia các hoạt động tập thể giáo dục học sinh: (Chào cờ, HĐNG...)

\* Ưu điểm:

- GV tham gia đầy đủ các buổi chào cờ đầu tháng.

- GVCN đã tổ chức lớp tham gia tốt các hoạt động ngoài giờ lên lớp

- Lớp chủ nhiệm đã tham gia tốt các hoạt động do Đội tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn như: 15/10; các hoạt động kỉ niệm khác, ngày nhà giáo Việt Nam ( 20/11),...

- Ngoài ra, lớp chủ nhiệm còn tham gia tốt các buổi chào cờ đầu tuần nghiêm túc nhằm phát huy tinh thần học tập và phê phán những hành vi phá hoại tài sản nhà trường.

\* Tồn tại: Tuy nhiên, do tình hình dịch Covid 19 diễn biến khá phức tạp, nên một số hoạt động của nhà trường tạm thời dừng, một số tuần các lớp chỉ chào cờ 15 phút trong lớp,...

#### **Kiến nghị và đề xuất:**

c/Tổ chức các hoạt động lao động hướng nghiệp:

\* Ưu điểm:

- Các em được tham gia các buổi lao động công ích do nhà trường và Đội phối hợp tổ chức như: Vệ sinh nghĩa trang liệt sĩ; Vệ sinh trường lớp hằng ngày...

\* Tồn tại:

- Các em tham gia chưa đồng đều, và kết quả chưa cao.

#### **2/ Công tác xây dựng “ Trường học thân thiện, học sinh tích cực”**

+ Có ý thức trong việc xây dựng “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”. Luôn tạo môi trường thân ái, hòa nhã để học sinh học tập, đồng thời thông qua mỗi tiết dạy, mỗi giáo viên chú ý đến tính tích cực học tập của học sinh

- Xây dựng trường, lớp xanh, sạch, đẹp, an toàn:

+ GVCN các lớp thường xuyên cho học sinh đi lao động dọn vệ sinh trường, lớp để bảo đảm trường, lớp an toàn, sạch sẽ, đồng thời giáo dục cho học sinh ý thức bảo vệ môi trường: không vứt rác bừa bãi, bỏ rác đúng nơi qui định, chăm sóc cây xanh theo vị trí đã phân công, không bẻ cành, bẻ nhánh nhằm tạo khuôn viên trường thoáng mát và ngày càng đẹp hơn.

**-Dạy và học có hiệu quả, phù hợp với đặc điểm lứa tuổi của học sinh ở mỗi địa phương, giúp các em tự tin trong học tập.**

+ Đa số thầy, cô giáo trong tổ đã tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm khuyến khích sự chuyên cần, tích cực, chủ động, sáng tạo và ý thức vươn lên, rèn luyện khả năng tự học của học sinh. Trong quá trình dạy học, giáo viên luôn chú ý tạo điều kiện cho học sinh được thực hành, trải nghiệm một số kỹ năng sống trong cuộc sống để làm cho học sinh cảm thấy tiết học nhẹ nhàng, thiết thực và bổ ích

**- Rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh**

+Lồng ghép trong các tiết dạy, đặc biệt chú ý rèn luyện cho học sinh một số kỹ năng sống cần thiết  
+Kĩ năng đối diện, ứng phó với những khó khăn trong cuộc sống.

**- Tổ chức các hoạt động tập thể vui tươi, lành mạnh**

**- Học sinh tham gia tìm hiểu, chăm sóc và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng ở địa phương**

+Các giáo viên lồng ghép trong các tiết dạy học để giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc và tinh thần cách mạng một cách hiệu quả cho tất cả học sinh.

**3/Hoạt động lao động - hướng nghiệp:**

+Giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn đầy đủ các buổi lao động do ban lao động của nhà trường tổ chức.

**4/ Sinh hoạt đoàn thể:**

+Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt đoàn thể do nhà trường và công đoàn tổ chức.

**IV/ Kết quả xếp loại HK 1:**

**1/ Tập thể tổ:** Tổ lao động xuất sắc.

**2/ Giáo viên:**

| TT        | HỌ VÀ TÊN | Tự xếp loại | Tổ Xếp Loại | ĐBQ | TTCN | Ghi Chú |
|-----------|-----------|-------------|-------------|-----|------|---------|
| <b>01</b> |           | Tốt         | Tốt         | 9.3 | CNXS |         |
| <b>02</b> |           | Tốt         | Tốt         | 9.3 |      |         |
| <b>03</b> |           | Tốt         | Tốt         | 9.2 |      |         |
| <b>04</b> |           | Tốt         | Tốt         | 9.2 |      |         |
| <b>05</b> |           | Tốt         | Tốt         | 9.1 |      |         |
| <b>06</b> |           | Tốt         | Tốt         | 9.1 |      |         |
| <b>07</b> |           | Tốt         | Tốt         | 9.0 |      |         |

**3. Học sinh:**

- Tập thể lớp xuất sắc :

- Tập thể chi đội vững mạnh:

**C/ ĐÁNH GIÁ NHẬN XÉT CHUNG:****\* Ưu điểm:**

- Tổ làm việc theo đúng kế hoạch, có chất lượng, có đầu tư trong các hoạt động chuyên môn: Giáo án điện tử; Đồ dùng dạy học; ...
- Tổ đã phân công và tổ chức thực hiện việc bồi dưỡng học sinh giỏi, đúng theo kế hoạch.
- Giáo viên nhiệt tình trong công tác giảng dạy kể cả việc phân công đột xuất,
- GVCN động viên học sinh tham gia tốt các hoạt động do trường và Đội đề ra
- Soạn giảng kịp thời, lên lớp luôn có giáo án và vận dụng phương pháp dạy học tích cực, thực hiện chuẩn kiến thức

**\* Tồn tại:**

- Chất lượng bài kiểm tra học kỳ chưa đạt yêu cầu như kế hoạch đề ra. Nhất là ở khối lớp 6.

**• Các giải pháp ở Học kỳ II:**

- + Tăng cường các biện pháp nhằm nâng cao độ đồng đều trong lớp học,
- + Duy trì và tiếp tục bồi dưỡng học sinh giỏi khối 8( môn Toán), và tiếp tục bồi dưỡng học sinh giỏi môn Tin học khối 8.
- + Đề kiểm tra học kỳ môn Công nghệ cần phải bám sát với đề cương ôn tập, nhất là đối với môn Công nghệ lớp 8.
- + Cẩn thận trong việc ra đề kiểm tra và đáp án.
- + Tăng cường công tác chủ nhiệm lớp.
- + Duy trì số lượng học sinh.

**D/ NHỮNG ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ:**

- Tăng cường công tác phụ đạo ở bộ môn Toán 6, Anh 6, Ngữ văn 6 để nâng cao chất lượng .

-

**E/ NHỮNG CÔNG VIỆC TRỌNG TÂM Ở HỌC KÌ II**

- Chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
- Tham gia các hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn trong năm.
- Dạy và học theo TKB học kì II.
- Vui tết lành mạnh, tiết kiệm.
- Tiếp tục công tác bồi dưỡng học sinh giỏi.
- Dự giờ, thao giảng, kiểm tra GV theo kế hoạch.
- Tiếp tục thực hiện báo cáo các chuyên đề theo kế hoạch đầu năm.
- Tham gia sinh hoạt cụm chuyên môn lần 2 theo đúng kế hoạch.
- Hoàn thành SK.
- Tham gia thi GVG cấp trường, cấp huyện.
- Khảo sát chất lượng HS 9.
- Khảo sát Danh hiệu CSTĐCS.
- Kiểm tra hồ sơ 9.
- Ra đề cương ôn tập, đề thi HKII.
- Hoàn thành chương trình HKII, tổng kết cuối năm.

Bình Minh ngày 11 tháng 01 năm 2022.

**TỔ TRƯỞNG CÔNG ĐOÀN**

**TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN**

